



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo tài chính hợp nhất
giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch
	Ông Mai Tiến Dũng	Thành viên
	Ông Phan Văn Hùng	Thành viên
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên
	Ông Trần Đăng Thành	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Đăng Thành	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 31 tháng 5 năm 2017)

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2005. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 số 0100107772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100107772 ngày 29 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 54 Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 16.370 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 15.325 triệu VND).

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 8.400 triệu VND (ngày 26 tháng 3 năm 2016: 13.649 triệu VND).

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-08-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-08-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-104-SX-HN



Đạm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2017**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		148.436.867.058	150.684.468.722
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	49.715.890.845	61.213.134.341
Tiền	111		48.024.477.343	56.709.551.008
Các khoản tương đương tiền	112		1.691.413.502	4.503.583.333
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		559.000.000	559.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	1.460.200.000	1.460.200.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(901.200.000)	(901.200.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.903.429.251	84.308.197.917
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	88.603.649.985	79.498.798.325
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.992.193.804	2.585.651.040
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	8.512.501.715	8.781.503.031
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(7.204.916.253)	(6.557.754.479)
Hàng tồn kho	140	13	2.972.603.659	3.258.350.073
Hàng tồn kho	141		2.972.603.659	3.258.350.073
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.285.943.303	1.345.786.391
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		129.139.532	42.992.140
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.156.673.771	1.302.794.251
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		130.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		137.118.707.061	140.301.039.864
Các khoản phải thu dài hạn	210		82.350.000	83.850.000
Phải thu dài hạn khác	216		82.350.000	83.850.000
Tài sản cố định	220		120.805.011.792	125.127.223.751
Tài sản cố định hữu hình	221	14	105.615.283.558	109.785.003.423
Nguyên giá	222		182.730.208.898	179.645.595.468
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.114.925.340)	(69.860.592.045)
Tài sản cố định vô hình	227	15	15.189.728.234	15.342.220.328
Nguyên giá	228		17.715.335.251	17.715.335.251
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.525.607.017)	(2.373.114.923)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.788.983.852	65.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.788.983.852	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	1.971.133.186	2.103.410.315
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.971.133.186	2.103.410.315
Tài sản dài hạn khác	260		12.471.228.231	12.921.555.798
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	12.471.228.231	12.921.555.798
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		285.555.574.119	290.985.508.586

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		99.845.920.525	108.432.963.876
Nợ ngắn hạn	310		90.439.355.909	95.846.685.414
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	8.628.662.117	11.216.417.998
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.133.583.554	10.658.201.937
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	9.375.681.596	13.046.728.937
Phải trả người lao động	314		50.491.878.318	51.327.088.525
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.913.090.222	2.989.193.810
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.196.358.875	2.956.362.488
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.223.855.394	3.602.991.546
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	22	1.476.245.833	49.700.173
Nợ dài hạn	330		9.406.564.616	12.586.278.462
Vay dài hạn	338	21(b)	9.406.564.616	12.586.278.462
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		185.709.653.594	182.552.544.710
Vốn chủ sở hữu	410	23	185.709.653.594	182.552.544.710
Vốn cổ phần	411	24	104.999.550.000	104.999.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		104.999.550.000	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(3.954.000)	(3.954.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	60.898.173.223	50.455.687.266
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.402.794.470	23.959.382.840
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		590.584.267	443.453.847
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.812.210.203	23.515.928.993
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.413.089.901	3.141.878.604
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		285.555.574.119	290.985.508.586

29-08-2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	236.829.416.036	223.678.307.116
Giá vốn hàng bán	11		181.494.330.208	176.326.042.323
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		55.335.085.828	47.352.264.793
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	320.720.248	1.206.030.178
Chi phí tài chính	22	30	978.691.947	794.039.059
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		901.740.738	653.169.607
Phần lãi trong công ty liên kết	24		177.397.221	204.835.705
Chi phí bán hàng	25		12.872.221.934	10.859.860.908
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	18.899.764.642	18.210.337.470
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		23.082.524.774	18.898.893.239
Thu nhập khác	31		475.341.753	376.909.450
Chi phí khác	32		1.032.370.307	24.676.727
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(557.028.554)	352.232.723
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.525.496.220	19.251.125.962
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	6.155.815.564	3.926.090.326
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		16.369.680.656	15.325.035.636

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

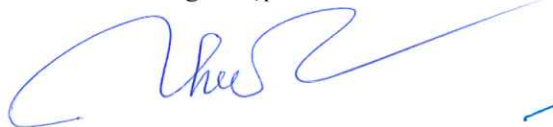
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		16.369.680.656	15.325.035.636
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		16.812.210.203	15.277.854.030
Cổ đông không kiểm soát	62		(442.529.547)	47.181.606
Lãi trên cổ phiếu		34		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.601	1.455

29-08-2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		22.525.496.220	19.251.125.962
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.695.453.820	6.260.509.239
Các khoản dự phòng	03		647.161.774	674.032.442
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(38.369.755)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(261.122.806)	(1.207.485.329)
Chi phí lãi vay	06		901.740.738	653.169.607
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		31.470.359.991	25.631.351.921
Biến động các khoản phải thu	09		(10.181.705.541)	(2.295.468.434)
Biến động hàng tồn kho	10		285.746.414	(875.916.151)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.732.366.914)	(11.761.432.110)
Biến động chi phí trả trước	12		364.180.175	(133.860.512)
			15.206.214.125	10.564.674.714
Tiền lãi vay đã trả	14		(901.740.738)	(653.169.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.209.462.190)	(3.762.130.821)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.071.377.818)	(3.112.960.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.023.633.379	3.036.414.285
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.878.145.671)	(7.120.143.636)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.545.454	30.000.000
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24		-	6.567.684.800
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.295.164.295
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		257.577.352	1.072.485.329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.617.022.865)	1.845.190.788

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		200.000.000	2.106.570.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.758.849.998)	(1.648.339.998)
Tiền trả cổ tức	36		(8.383.373.767)	(13.976.227.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.942.223.765)	(13.517.997.198)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(11.535.613.251)	(8.636.392.125)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		61.213.134.341	70.365.641.184
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		38.369.755	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	49.715.890.845	61.729.249.059

29-08-2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
 Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Giám định về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số - khối lượng, bao bì và ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, đá quý và kim loại quý hiếm);
- Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ và thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng;
- Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải và giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa;
- Giám định tổn thất và đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy;
- Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường;
- Kiểm tra phá hủy, không phá hủy;
- Giám định theo yêu cầu của mọi đối tượng để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: Xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường (giám định về vệ sinh công nghiệp; giám định và xử lý nước, nước thải) các dịch vụ phục vụ thông quan;
- Các dịch vụ có liên quan: Khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá hủy; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong - cạp chì; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; tư vấn về chất lượng hàng hoá;
- Chứng nhận sản phẩm;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình; kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (theo quy định của Nhà nước);
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện tự động hóa;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình xây dựng;
- Tư vấn, lắp đặt thiết bị;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, xây lắp, cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Giám sát thi công dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Ủy thác và nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hoá;
- Dịch vụ kê khai thuế hải quan;
- Tư vấn thủ tục cổ phần hóa doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng (không bao gồm phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường); và
- Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự ủy thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 3 công ty con (1/1/2017: 3 công ty con) và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 884 nhân viên (1/1/2017: 875 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 – 50 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị | 7 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận chuyển | 6 – 8 năm |
| ▪ Thiết bị và dụng cụ văn phòng | 3 – 8 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 25 năm đến 51 năm. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 7 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất trong vòng 15 đến 49 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là cung cấp dịch vụ giám định và giám sát và một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào chịu tác động bởi các biến động mùa vụ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	7.439.334.532	6.787.590.046
Tiền gửi ngân hàng	40.585.142.811	49.921.960.962
Các khoản tương đương tiền	1.691.413.502	4.503.583.333
	49.715.890.845	61.213.134.341



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2017			1/1/2017		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND
Cổ phiếu VDP	1.920	58.800.000	(*)	-	1.920	58.800.000
Cổ phiếu DAS	27.000	540.000.000	(*)	(442.800.000)	27.000	540.000.000
Cổ phiếu VVFC	31.000	861.400.000	(*)	(458.400.000)	31.000	861.400.000
		<u>1.460.200.000</u>		<u>(901.200.000)</u>		<u>1.460.200.000</u>
						<u>(901.200.000)</u>

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017				1/1/2017								
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:													
▪ Công ty con													
• Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam		100%	100%					100%	100%			
• Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	153.000	51%	51%				153.000	51%	51%			
• Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	102.000	51%	51%				102.000	51%	51%			
▪ Công ty liên kết													
• Văn phòng công chứng Thăng Long	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	770.870.547	-	(*)	-	-	-	868.571.952	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	105.000	35%	35%	1.200.262.639	-	(*)	105.000	35%	35%	1.234.838.363	-	(*)
					1.971.133.186	-	(*)				2.103.410.315	-	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là các bên liên quan như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	29.381.663	287.021.037
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.700.542.475	2.700.542.475
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 3		
– Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	2.413.468.953	2.103.823.327
Công ty Cargo Control Germany	2.125.764.288	1.810.766.259
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	1.635.887.633	-
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	1.421.450.000	4.660.845.000
Các khách hàng khác	78.277.154.973	67.935.800.227
	88.603.649.985	79.498.798.325

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	4.530.235.617	4.245.939.463
Ký cược, ký quỹ	3.184.730.289	3.863.578.246
Phải thu khác	797.535.809	671.985.322
	8.512.501.715	8.781.503.031

12. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	30/6/2017		1/1/2017			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	3.501.608.162	(968.414.474)	2.533.193.688	2.309.187.311	(194.363.544)	2.114.823.767
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.053.606.357	(1.526.803.182)	1.526.803.175	3.157.752.564	(1.578.876.283)	1.578.876.281
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.998.087.543	(1.398.661.280)	599.426.263	3.402.462.478	(2.381.723.735)	1.020.738.743
Quá hạn từ 3 năm trở lên	3.311.037.317	(3.311.037.317)	-	2.402.790.917	(2.402.790.917)	-
	11.864.339.379	(7.204.916.253)	4.659.423.126	11.272.193.270	(6.557.754.479)	4.714.438.791

13. Hàng tồn kho

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	2.081.192.160	3.124.319.073
Công cụ và dụng cụ	34.435.000	134.031.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	856.976.499	-
	2.972.603.659	3.258.350.073

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị và dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	75.941.862.002	71.695.356.969	25.934.264.248	6.074.112.249	179.645.595.468
Tăng trong kỳ	-	1.408.945.455	1.287.930.909	457.285.455	3.154.161.819
Thanh lý	-	(31.087.839)	-	(38.460.550)	(69.548.389)

Số dư cuối kỳ

Số dư cuối kỳ	75.941.862.002	73.073.214.585	27.222.195.157	6.492.937.154	182.730.208.898
---------------	----------------	----------------	----------------	---------------	-----------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	20.099.813.342	33.331.192.952	13.739.884.011	2.689.701.740	69.860.592.045
Khấu hao trong kỳ	1.552.158.946	4.305.876.885	1.293.820.093	172.025.760	7.323.881.684
Thanh lý	-	(31.087.839)	-	(38.460.550)	(69.548.389)

Số dư cuối kỳ

Số dư cuối kỳ	21.651.972.288	37.605.981.998	15.033.704.104	2.823.266.950	77.114.925.340
---------------	----------------	----------------	----------------	---------------	----------------

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	55.842.048.660	38.364.164.017	12.194.380.237	3.384.410.509	109.785.003.423
Số dư cuối kỳ	54.289.889.714	35.467.232.587	12.188.491.053	3.669.670.204	105.615.283.558

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 25.560 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 24.029 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 14.352 triệu VND (1/1/2017: 14.363 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	16.917.735.251	797.600.000	17.715.335.251
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.683.973.711	689.141.212	2.373.114.923
Khấu hao trong kỳ	122.825.430	29.666.664	152.492.094
Số dư cuối kỳ	1.806.799.141	718.807.876	2.525.607.017
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	15.233.761.540	108.458.788	15.342.220.328
Số dư cuối kỳ	15.110.936.110	78.792.124	15.189.728.234

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 620 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 620 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/06/2016 VND
Số dư đầu kỳ	65.000.000	2.115.103.081
Tăng trong kỳ	1.723.983.852	56.530.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(199.965.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(936.000)
Số dư cuối kỳ	1.788.983.852	1.970.732.081

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án xây dựng Trung tâm Phân tích và		
Thử nghiệm 1 tại Ninh Hiệp	732.016.364	50.000.000
Dự án Văn phòng Chân Mây	356.295.688	15.000.000
Dự án phần mềm kế toán và quản trị doanh nghiệp	700.671.800	-
	1.788.983.852	65.000.000

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Chi phí	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	trả trước khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.597.187.757	5.198.742.041	125.626.000	12.921.555.798
Tăng trong kỳ	-	1.465.435.077	149.317.840	1.614.752.917
Phân bổ trong kỳ	(219.080.042)	(1.781.261.280)	(64.739.162)	(2.065.080.484)
	7.378.107.715	4.882.915.838	210.204.678	12.471.228.231

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	Giá gốc và số có khả năng trả nợ
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	29.210.000	56.297.500
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Cát Thuỷ	974.350.000	974.350.000
Công ty TNHH SGS Việt Nam	1.768.729.029	1.768.729.029
Các nhà cung cấp khác	5.856.373.088	8.417.041.469
	8.628.662.117	11.216.417.998

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Khấu trừ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.928.273.083	25.050.634.605	(7.018.472.390)	(16.985.248.120)	4.975.187.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.903.022.420	6.155.815.564	-	(4.209.462.190)	3.849.375.794
Thuế thu nhập cá nhân	7.215.433.434	3.314.905.912	-	(9.979.220.722)	551.118.624
Thuế khác	-	199.920.476	-	(199.920.476)	-
	13.046.728.937	34.721.276.557	(7.018.472.390)	(31.373.851.508)	9.375.681.596

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	1.036.470.969	327.784.976
Cổ tức phải trả	50.400.245	34.126.012
Trích trước thuế thu nhập cá nhân phải trả	-	231.229.304
Phải trả liên quan đến dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	-	1.000.000.000
Phải trả liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	290.000.000
Phải trả liên quan đến dự án Hỗ trợ Y tế các tỉnh Đông Bắc Bộ và Đồng bằng Sông Hồng	-	565.326.582
Phải trả khác	2.109.487.661	507.895.614
	3.196.358.875	2.956.362.488

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.602.991.546	3.602.991.546	3.179.713.846	(5.758.849.998)	1.023.855.394	1.023.855.394
	3.602.991.546	3.602.991.546	3.379.713.846	(5.758.849.998)	1.223.855.394	1.223.855.394

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
VND	10,2%	2018	200.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay cá nhân 1	VND	6,5%	2018	460.000.000	600.000.000
Vay cá nhân 2	VND	6,5%	2018	1.160.000.000	2.470.000.000
Vay ngân hàng 1	VND	11,5% - 11,7%	2017	-	13.850.000
Vay ngân hàng 2	VND	9,4%	2017	65.000.010	130.000.008
Vay ngân hàng 3	VND	7,5%	2020	7.712.280.000	11.712.280.000
Vay ngân hàng 4	VND	7,1%	2019	1.033.140.000	1.263.140.000
Số dư cuối kỳ				10.430.420.010	16.189.270.008
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(1.023.855.394)	(3.602.991.546)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				9.406.564.616	12.586.278.462

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.352 triệu VND (1/1/2017: 14.363 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các tập thể và cá nhân trong và ngoài Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập Đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	49.700.173	289.024.854
Trích lập trong kỳ	4.497.923.478	3.558.416.290
Sử dụng trong kỳ	(3.071.377.818)	(3.112.960.001)
Số dư cuối kỳ	1.476.245.833	734.481.143

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	104.999.550.000	(3.954.000)	49.595.964.345	19.327.923.039	2.391.252.556	176.310.735.940
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	15.277.854.030	47.181.606	15.325.035.636
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	859.722.921	(859.722.921)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.558.416.290)	-	(3.558.416.290)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(13.649.428.000)	(343.000.000)	(13.992.428.000)
Biến động khác	-	-	-	(284.073.420)	(115.960.171)	(400.033.591)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	104.999.550.000	(3.954.000)	50.455.687.266	16.254.136.438	1.979.473.991	173.684.893.695
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	104.999.550.000	(3.954.000)	50.455.687.266	23.959.382.840	3.141.878.604	182.552.544.710
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.812.210.203	(442.529.547)	16.369.680.656
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.442.485.957	(10.442.485.957)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(4.211.664.322)	(286.259.156)	(4.497.923.478)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(8.399.648.000)	-	(8.399.648.000)
Biến động khác	-	-	-	(315.000.294)	-	(315.000.294)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	104.999.550.000	(3.954.000)	60.898.173.223	17.402.794.470	2.413.089.901	185.709.653.594

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	10.499.955	104.999.550.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.499.955	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(395)	(3.954.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.499.560	104.995.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 8.400 triệu VND (ngày 26 tháng 3 năm 2016: 13.649 triệu VND).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	3.625.025.000	3.593.025.000
Trong vòng hai đến năm năm	1.963.116.667	3.817.316.667
Sau năm năm	301.031.250	308.343.750
	5.889.172.917	7.718.685.417

(b) Ngoại tệ các loại

		30/6/2017		1/1/2017
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	454.508	10.315.920.184	335.729	7.623.657.212
EUR	226	5.828.874	231	5.492.415
		10.321.749.058		7.629.149.627

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	15.030.327.567	15.195.685.083

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	193.353.352	395.373.329
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	105.000.000
Cổ tức được chia	64.224.000	677.112.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	19.909.499	12.201.077
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.369.755	5.148.690
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.863.642	11.195.082
	320.720.248	1.206.030.178

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	901.740.738	653.169.607
Chi phí tài chính khác	76.951.209	140.869.452
	978.691.947	794.039.059

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.767.554.787	10.452.328.890
Chi phí văn phòng phẩm	160.206.063	170.458.461
Dự phòng phải thu khó đòi	647.161.774	1.328.401.106
Chi phí khấu hao	905.185.852	596.793.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.321.662.668	3.848.309.744
Chi phí khác	3.097.993.498	1.814.046.139
	18.899.764.642	18.210.337.470

32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí kinh doanh	7.117.208.037	4.175.184.518
Chi phí nhân viên	136.754.828.739	126.824.798.255
Chi phí khấu hao	7.695.453.820	6.279.259.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.799.631.148	36.500.848.421
Chi phí khác	24.913.744.454	31.878.012.098

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.347.435.586	3.926.090.326
Điều chỉnh số thuế phải nộp năm trước	808.379.978	-
	6.155.815.564	3.926.090.326

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.525.496.220	19.251.125.962
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.505.099.244	3.850.225.192
Chi phí không được khấu trừ thuế	486.037.114	211.287.534
Thu nhập từ cổ tức không phải chịu thuế	(12.844.800)	(135.422.400)
Lỗi tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	370.023.108	-
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	(879.080)	-
Điều chỉnh số thuế phải nộp năm trước	808.379.978	-
	6.155.815.564	3.926.090.326

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 16.812.210.203 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 15.277.854.030 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 10.499.560 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 10.499.560 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty liên kết		
<i>Văn phòng Công chứng Thăng Long</i> Doanh thu cung cấp dịch vụ	218.262.353	197.604.324
<i>Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol</i> Doanh thu cung cấp dịch vụ	269.577.841	203.672.855
Cổ đông lớn		
<i>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước</i> Trả cổ tức	2.520.000.000	4.095.000.000
<i>Quỹ Đầu tư Barca Global Master Fund</i> Trả cổ tức	884.266.400	1.436.932.900
<i>Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt</i> Trả cổ tức	912.080.000	1.428.310.000
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.082.472.195	985.409.372
Thù lao	258.000.000	258.000.000

29-08-2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
 Kế toán tổng hợp
 Tổng Giám đốc

Người duyệt:





Lưu Ngọc Hiền
 Kế toán trưởng

Mai Tiến Dũng